

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-12- 2021

V/v “ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hạnh

2. Bà Nguyễn Duy Thị Anh Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân
thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Xuân Thu- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 118/2021/TLST- HNGĐ về việc “Ly hôn,
tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
82/2021/QĐXX-ST ngày 07 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị S - sinh năm 1995; (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường P, thị xã X, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh N- sinh năm 1991(Có đơn đề nghị giải quyết
vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố T1, phường P, thị xã X, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ
Thị S trình bày :*

Chị Võ Thị S và anh Nguyễn Minh N có tình cảm và yêu thương nhau, kết
hôn vào năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là phường
P). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do anh N không chung thủy, không tôn trọng tình cảm của vợ. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân. Hiện nay chị S không còn tình cảm gì với anh N nên yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng chị S và anh N có 02 người con chung tên Nguyễn Võ Mỹ A – sinh ngày 22/9/2014; Nguyễn Võ Mỹ D – sinh ngày 01/4/2018. Khi ly hôn chị S yêu cầu nuôi cháu D, chị S đồng ý giao cháu A cho anh N nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: không có

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Minh N trình bày:
Anh N và chị S có tình cảm và yêu thương nhau, kết hôn vào năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là phường P). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau và vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị S yêu cầu ly hôn thì anh N đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh N và chị S có 02 người con chung tên Nguyễn Võ Mỹ A – sinh ngày 22/9/2014; Nguyễn Võ Mỹ D – sinh ngày 01/4/2018. Khi ly hôn anh N đồng ý nuôi cháu A, giao cháu D cho chị S nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Võ Thị S có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Minh N ở tổ dân phố T1, phường P, thị xã X, tỉnh Quảng Ngãi. Nên căn cứ vào khoản 1

Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ.

Anh Nguyễn Minh N đã được Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ triệu tập hợp lệ, anh N đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Võ Thị S và anh Nguyễn Minh N tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã P (Nay là phường P), do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh N là hoàn toàn hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Từ đó vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Mặc khác qua xác minh tại Hội phụ nữ phường P cho biết thì vợ chồng chị S và anh Ng hiện nay không sống chung. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh N đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cho chị S được ly hôn với anh N.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị S và anh Ng có 02 người con chung tên Nguyễn Võ Mỹ A– sinh ngày 22/9/2014; Nguyễn Võ Mỹ D– sinh ngày 01/4/2018. Khi ly hôn cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất giao cháu A cho anh N nuôi dưỡng, giao cháu D cho chị S nuôi dưỡng. Để đảm bảo mọi mặt của các cháu, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 giao cháu Nguyễn Võ Mỹ D – sinh ngày 01/4/2018 cho chị Võ Thị S trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Võ Mỹ A– sinh ngày 22/9/2014 anh N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Võ Thị S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng chị S đã nộp tại biên lai số 0000762 ngày 04/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Võ Thị S được ly hôn anh Nguyễn Minh N.

2. Về con chung: Vợ chồng chị S và anh N có 02 người con chung tên Nguyễn Võ Mỹ A – sinh ngày 22/9/2014; Nguyễn Võ Mỹ D –sinh ngày 01/4/2018. Giao cháu Nguyễn Võ Mỹ D –sinh ngày 01/4/2018 cho chị Võ Thị S trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Võ Mỹ A– sinh ngày 22/9/2014 anh N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Chị Võ Thị S, anh Nguyễn Minh N có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được quyền cản trở.

Đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: chị Võ Thị S phải chịu 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000762 ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Võ Thị S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Minh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND phường P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Kha